

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NGUYỄN THỊ THANH ĐỨC

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ
THƠ HÀN MẶC TỬ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGHỆ AN - 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NGUYỄN THỊ THANH ĐỨC

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ
THƠ HÀN MẶC TỬ

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã số: 922 01 02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. PHAN MẬU CẢNH

2. TS. ĐẶNG LƯU

NGHỆ AN - 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu này là của riêng tôi. Các công trình nghiên cứu khác liên quan được trích dẫn trong Luận án đều có chú thích rõ ràng. Mọi nhận định, kiến giải, kết luận là của bản thân, không sao chép từ bất kì một tài liệu nào. Nếu có sai sót, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Nghệ An, tháng 3 năm 2021

Tác giả

Nguyễn Thị Thanh Đức

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Phan Mậu Cảnh và TS. Đặng Lưu - những người đã trực tiếp hướng dẫn tôi thực hiện đề tài nghiên cứu để hoàn thành luận án này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo Viện Sư phạm Xã hội, các giảng viên bộ môn Ngôn ngữ của Viện Sư phạm Xã hội, Phòng Sau đại học, Trường Đại học Vinh - các đơn vị đã giúp tôi hoàn thành các khâu thuộc nhiệm vụ của một Nghiên cứu sinh.

Trong quá trình học tập, nghiên cứu, triển khai đề tài, tôi đã được lãnh đạo của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An - nơi tôi công tác - tạo mọi điều kiện thuận lợi. Cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc.

Qua đây, tôi xin thành tâm cảm tạ gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, khích lệ, tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Nghệ An, tháng 3 năm 2021

Tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Đóng góp của luận án.....	5
6. Cấu trúc của luận án.....	5
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	6
1.1.1. Tình hình nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả.....	6
1.1.2. Tình hình nghiên cứu phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử.....	14
1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài	24
1.2.1. Một số vấn đề lý thuyết về phong cách ngôn ngữ.....	24
1.2.2. Một số vấn đề liên quan đến phong cách ngôn ngữ cá nhân	34
1.2.3. Hàn Mặc Tử - cuộc đời và sự nghiệp thơ.....	40
1.2.4. Quan niệm riêng về nhà thơ và sáng tạo thơ - yếu tố chi phối phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử.....	43
1.3. Tiểu kết chương 1.....	47
Chương 2. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ THƠ HÀN MẶC TỬ THỂ HIỆN Ở CÁCH SỬ DỤNG TỪ NGỮ	48
2.1. Định hướng nghiên cứu và phạm vi khảo sát từ ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử để nhận diện phong cách ngôn ngữ của nhà thơ	48
2.2. Phong cách ngôn ngữ Hàn Mặc Tử biểu hiện qua một số trường từ vựng tiêu biểu	49
2.2.1. Dẫn nhập.....	49

2.2.2. Một số trường từ vựng in đậm dấu ấn phong cách ngôn ngữ Hàn Mặc Tử.....	51
2.2.3. Dấu ấn phong cách Hàn Mặc Tử qua lựa chọn và kết hợp từ ngữ trong thơ.....	81
2.3. Tiểu kết chương 2.....	95
Chương 3. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ THƠ HÀN MẶC TỬ THỂ HIỆN	
Ở CÁCH SỬ DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ	97
3.1. Khái niệm tu từ và vai trò của tu từ trong việc thể hiện phong cách ngôn ngữ tác giả	97
3.1.1. Khái niệm tu từ và vai trò của tu từ trong sáng tạo thơ	97
3.1.2. Tu từ với việc biểu hiện phong cách ngôn ngữ cá nhân trong thơ	100
3.2. Một số biện pháp tu từ thể hiện dấu ấn phong cách cá nhân trong thơ Hàn Mặc Tử.....	102
3.2.1. Biện pháp so sánh	102
3.2.2. Biện pháp nhân hoá.....	113
3.2.3. Biện pháp điệp ngữ	122
3.3. Tiểu kết chương 3.....	130
KẾT LUẬN	131
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	134
TÀI LIỆU THAM KHẢO	135
NGUỒN NGỮ LIỆU	150

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 2.1: Thống kê các trường từ vựng trong thơ Hàn Mặc Tử.....	50
Bảng 2.2: Trường từ vựng tôn giáo trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	52
Bảng 2.3: Tiêu trường từ vựng tôn giáo trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính phân theo loại tôn giáo	53
Bảng 2.4: Các tiêu trường trong trường từ vựng về đạo Thiên Chúa trong thơ Hàn Mặc Tử.....	55
Bảng 2.5: Các tiêu trường trong trường từ vựng về đạo Phật trong thơ Hàn Mặc Tử.....	58
Bảng 2.6: Trường từ vựng tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	64
Bảng 2.7: Tiêu trường từ vựng tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	65
Bảng 2.8: Từ chỉ thân xác con người trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu, Nguyễn Bính	73
Bảng 2.9: Tần suất sử dụng các từ chỉ đối tượng nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	82
Bảng 2.10: Thống kê các từ được lựa chọn để kết hợp với nắng, tơ trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	84
Bảng 2.11: Từ ngữ thuộc phương ngữ miền Trung trong thơ Hàn Mặc Tử.....	86
Bảng 2.12: Từ chỉ mức độ cao trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	89
Bảng 2.13: Một số từ có cách kết hợp lạ trong thơ Hàn Mặc Tử	93
Bảng 3.1: Biện pháp so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	103
Bảng 3.2: Cấu trúc so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	106
Bảng 3.3: Cấu trúc loại so sánh tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	108

Bảng 3.4:	Các đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	109
Bảng 3.5:	Các đối tượng so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	111
Bảng 3.6:	Biện pháp nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	114
Bảng 3.7:	Các kiểu loại nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	117
Bảng 3.8:	Các đối tượng nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử.....	118
Bảng 3.9:	Một số hình ảnh nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	121
Bảng 3.10:	Biện pháp điệp trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	122
Bảng 3.11:	Các kiểu loại điệp trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	128

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Tần suất xuất hiện lượt từ vựng tôn giáo ở mỗi bài trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	53
Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ từ vựng tôn giáo trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính phân theo loại tôn giáo.....	54
Biểu đồ 2.3: Tỷ lệ bài thơ sử dụng trường từ vựng tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	65
Biểu đồ 2.4: Tiểu trường từ vựng chỉ tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	66
Biểu đồ 3.1: Tỷ lệ bài sử dụng biện pháp so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính.....	104
Biểu đồ 3.2: Cấu trúc so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	106
Biểu đồ 3.3: Các đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	109
Biểu đồ 3.4: Các đối tượng so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	111
Biểu đồ 3.5: Biện pháp nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	115
Biểu đồ 3.6: Các kiểu loại nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử.....	117
Biểu đồ 3.7: Các đối tượng nhân hoá trong thơ Hàn Mặc Tử	119
Biểu đồ 3.8: Các kiểu loại điệp trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính	129

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Nghiên cứu thơ từ góc nhìn ngôn ngữ là một hướng tiếp cận phổ biến bấy lâu nay, đã thu được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Trong thơ, ngôn ngữ không chỉ thể hiện nội dung thông tin thuần túy, mà bản thân nó còn có “tính tự trị”, “tự thuyết minh về chính nó”. Nói cách khác, thông điệp nghệ thuật nằm chính trong hình thức tổ chức ngôn ngữ có tính đặc thù. Một hình thức tổ chức ngôn ngữ bao giờ cũng gắn với một nội dung tương ứng toát lên từ chính hình thức đó. Do vậy, nếu trong sáng tác, sự độc đáo của hình thức ngôn ngữ thể hiện qua mỗi tác phẩm là đích phấn đấu của nhà thơ, thì trong tiếp nhận và đánh giá, việc khám phá ra tính độc đáo của cách tổ chức ngôn ngữ cũng là yếu tố quyết định để hiểu nội dung của thơ. Chỉ có như vậy, các luận điểm được rút ra mới thực sự có giá trị khoa học.

1.2. “Ngôn ngữ thơ” là một khái niệm có nội hàm rất rộng. Thực tế, không có một thứ ngôn ngữ thơ chung chung, mà chỉ tồn tại ngôn ngữ thơ thuộc từng hệ hình, kiểu sáng tác, của mỗi tác giả nhất định mà thôi. Ngôn ngữ thơ cổ điển không giống ngôn ngữ thơ hiện đại. Ngay trong thơ hiện đại, ngôn ngữ thơ lãng mạn cũng khác ngôn ngữ thơ tượng trưng, siêu thực. Vì thế, khó có một chuẩn mực chung để đánh giá ngôn ngữ của các loại hình thơ. Mỗi tác giả thường có vốn sống, quan điểm thẩm mỹ, sở thích, sở trường, đời sống nội tâm, nhãn quan ngôn ngữ riêng, chúng góp phần tạo nên những nét cá biệt của từng chủ thể sáng tạo. Mức cao nhất của sự kết tinh những nét cá biệt chính là phong cách. Một tác giả không tạo nên được phong cách của riêng mình thì chưa phải là tác giả lớn. Tạo nên phong cách, nghĩa là, người viết đã đóng góp được một giá trị nào đó cho nền văn học chung. Sự góp mặt của nhiều phong cách độc đáo sẽ làm nên tính phong phú, đa dạng của một nền văn học. Tìm hiểu phong cách thơ của một tác giả từ góc độ ngôn ngữ học, do vậy, là một hướng đi thật sự cần thiết nhằm đóng góp vào việc nghiên cứu phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, góp phần vào việc thực hành phân tích văn bản trong nhà trường hiện nay.

1.3. Hàn Mặc Tử là một gương mặt xuất sắc của nền thơ Việt Nam thế kỷ XX. Mặc dù chỉ sống một cuộc đời ngắn ngủi, lại thêm bệnh tật hiểm nghèo, nhưng vượt lên tất cả, ông đã nỗ lực sáng tạo và để lại cho thi ca Việt Nam một di sản thật sự có giá trị. Trong giai đoạn 1932 - 1945, hiếm có nhà thơ nào, chỉ trong một thời gian ngắn, đã làm một hành trình sáng tạo thơ từ cổ điển, qua lãng mạn, đến tượng trưng,

siêu thực như Hàn Mặc Tử. Xét về kiểu sáng tác, thơ ông rất đa dạng. Nhưng từ góc nhìn khác, ta vẫn thấy ở ông có sự thống nhất về quan niệm thẩm mỹ, về tư duy thơ, về nhân quan ngôn ngữ. Nghĩa là, hoàn toàn có thể khẳng định *phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử*. Tuy nhiên, từ đây, không ít câu hỏi được đặt ra, cần làm rõ: những nhân tố nào góp phần tạo nên phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử? Phong cách ấy biểu hiện cụ thể như thế nào ở các bình diện ngôn từ trong thơ ông? Phong cách ngôn ngữ ấy có phải là hiện tượng “dĩ thành bất biến” hay là một hiện tượng “động”, và nếu là hiện tượng động, nó được hình thành và phát triển như thế nào? Trả lời thỏa đáng những câu hỏi trên đây, thực chất chúng ta đã góp phần vào việc giải mã tác phẩm thơ của Hàn Mặc Tử, qua đó, thúc đẩy công việc nghiên cứu và giảng dạy thơ ông từ bậc phổ thông đến bậc đại học. Hơn thế, từ những khái quát về phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta có thêm kinh nghiệm, điều kiện để tiếp cận các tác giả khác trong phong trào Thơ mới 1932 - 1945.

Đó là những lí do thôi thúc chúng tôi chọn đề tài ***Phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử*** để triển khai trong khuôn khổ một luận án tiến sĩ.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là ngôn ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử. Với hướng đã xác định từ tên đề tài, chúng tôi sẽ tập trung khảo sát, phân tích những nét riêng trong các tập thơ tiêu biểu của Hàn Mặc Tử dưới ánh sáng của phong cách học.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Với một nhà thơ lớn, có tác phẩm và kiểu sáng tác đa dạng như Hàn Mặc Tử, phong cách nghệ thuật dĩ nhiên được biểu hiện ở nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, trong luận án này, chúng tôi tập trung khảo sát, tìm hiểu phong cách ngôn ngữ thơ của Hàn Mặc Tử trên các bình diện: vốn từ, một số trường từ vựng - ngữ nghĩa tiêu biểu, những lựa chọn, kết hợp từ độc đáo, một số biện pháp tu từ tiêu biểu. Theo cảm nhận và suy nghĩ của chúng tôi, đó là những khía cạnh hết sức tiêu biểu.

Một số tập thơ của Hàn Mặc Tử như *Thơ Hàn Mặc Tử* (Chế Lan Viên), *Hàn Mặc Tử thơ và đời* (Lữ Huy Nguyên), *Hàn Mặc Tử một đời thơ* (Thi Long), *Thơ Hàn Mặc Tử* (Mạnh Linh). Ngoài ra, một số bài thơ của Hàn Mặc Tử trong tuyển tập *Thơ mới 1932 - 1945 tác giả và tác phẩm* (Lại Nguyên Ân sưu tập và giới thiệu) hoặc trong *Hàn Mặc Tử - Tác phẩm, phê bình và tưởng niệm* (Phan Cự Đệ) cũng được bổ sung, đối chiếu trong quá trình khảo sát.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Từ việc khảo sát, phân tích một số trong thơ Hàn Mặc Tử, luận án khái quát những điểm nổi bật về phong cách ngôn ngữ thơ của tác giả, từ đó, nhận diện những giá trị cốt lõi và đánh giá những đóng góp của Hàn Mặc Tử cho thơ Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945.

- Tìm hiểu phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử một cách đầy đủ, có căn cứ khoa học sẽ bổ sung thêm vào bức tranh nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử nói riêng, thơ Việt Nam hiện đại nói chung, đồng thời góp phần nâng cao việc giảng dạy thơ Hàn Mặc Tử từ bậc phổ thông đến bậc đại học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng thuật các công trình lí thuyết nghiên cứu phong cách học, luận giải các khái niệm làm tiền đề lí thuyết cho luận án. Tổng hợp kết quả vận dụng phong cách học vào nghiên cứu ngôn ngữ thơ nói chung, nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử nói riêng.

- Khảo sát vốn từ, cách lựa chọn, kết hợp từ ngữ, trường từ vựng - ngữ nghĩa, các biện pháp tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử, làm rõ các đặc điểm về cách dùng từ ngữ trong thơ ông với tư cách là một trong những cây bút tiêu biểu của Thơ mới 1932 - 1945 (có so sánh để thấy rõ sự khác biệt giữa Hàn Mặc Tử với ba nhà thơ cùng thời: Bích Khê, Xuân Diệu, Nguyễn Bính).

- Phân tích ngữ liệu, thấy được ý thức lựa chọn ngôn từ nghệ thuật của Hàn Mặc Tử trong sáng tạo thơ, từ đó đưa ra một số kết luận về phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử, xác lập căn cứ đáng tin cậy cho việc đánh giá những đóng góp của ông trong cách tổ chức ngôn ngữ thơ nói riêng, hình thức biểu hiện nói chung.

4. Phương pháp nghiên cứu

Triển khai đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây:

a. Phương pháp miêu tả

Phương pháp này nhằm miêu tả những phát hiện về đặc điểm ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử ở một số phương diện: hệ thống từ ngữ, biện pháp tu từ. Phương pháp này không chỉ giúp làm rõ mặt định lượng, mà còn cả mặt định tính, tức là cung cấp cứ liệu xác thực để nhận diện những nét đặc trưng của một phong cách ngôn ngữ.

b. Phương pháp so sánh

So sánh là phương pháp hữu hiệu trong nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả. Cụ thể, để làm rõ những biểu hiện và sự khác biệt của phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử, luận án tiến hành so sánh đặc điểm lớp từ, các trường từ vựng - ngữ nghĩa, các phép tu từ trong thơ ông với thơ của một số tác giả cùng thời. Có đối sánh như vậy, những kết luận về phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử mới đáng tin cậy.

c. Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phương pháp phân tích được áp dụng không chỉ trong giới thuyết các khái niệm công cụ, mà còn trong việc xử lý ngữ liệu đã thu thập. Từ kết quả phân tích, luận án sẽ tiến hành tổng hợp để đi đến những kết luận khoa học cần thiết, ứng với từng nội dung cụ thể của đề tài.

d. Thủ pháp thống kê

Muốn đi đến những kết luận định tính, luận án phải tiến hành mô tả định lượng, tức là phải khảo sát tư liệu, thống kê, tính số lượng, tính tỉ lệ, tần số xuất hiện. Việc thống kê các lớp từ xét về phong cách, các từ ngữ trong một trường từ vựng - ngữ nghĩa, lượng hóa các yếu tố thuộc biện pháp tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử... là căn cứ để rút ra các luận điểm khái quát, có ý nghĩa khoa học. Nhờ các số liệu thống kê, việc phân tích phong cách ngôn ngữ Hàn Mặc Tử tránh được những nhận xét thiếu sở cứ, hoặc thiên về cảm thụ văn học.

e. Thủ pháp hệ thống hóa

Từ khối lượng lớn ngữ liệu đã thống kê, chúng tôi tiến hành phân loại theo các tiêu chí. Chẳng hạn, vốn từ trong thơ Hàn Mặc Tử phải được phân loại thành các lớp từ theo giá trị phong cách học. Tuy nhiên, mọi yếu tố được khảo sát, phân loại luôn luôn đặt trong hệ thống, bởi bản thân văn bản nghệ thuật là một hệ thống hoàn chỉnh, mọi ý nghĩa, giá trị đều toát lên từ hệ thống đó.

g. Thủ pháp phân tích tương quan

Mọi yếu tố ngôn từ được tách ra trong khảo sát, thống kê định lượng phải được phân tích. Tuy nhiên, đó không phải là phân tích thành tố thuần túy, mà phải đặt thành tố đó trong văn cảnh (câu thơ, đoạn thơ, bài thơ) để nắm bắt ý nghĩa, giá trị biểu hiện của nó. Với văn bản nghệ thuật, việc bám văn bản trong phân tích thành tố ngôn ngữ được xem như một nguyên tắc.

5. Đóng góp của luận án

Về lí thuyết, luận án luận giải khái niệm phong cách ngôn ngữ tác giả, phân biệt phong cách ngôn ngữ tác giả với phong cách nghệ thuật tác giả, mối quan hệ giữa chúng, những yếu tố góp phần hình thành phong cách ngôn ngữ tác giả.

Về thực tiễn, thông qua việc khảo sát, phân tích, nghiên cứu cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử, luận án khái quát những nét cơ bản về phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử; từ đó, góp thêm một góc nhìn, một cách đánh giá về thơ của tác giả trong bức tranh chung của phong trào Thơ mới 1932 - 1945.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo*, nội dung của luận án được triển khai trong 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí thuyết của đề tài.

Chương 2: Phong cách ngôn ngữ Hàn Mặc Tử thể hiện ở cách sử dụng từ ngữ.

Chương 3: Phong cách ngôn ngữ Hàn Mặc Tử thể hiện ở cách sử dụng các biện pháp tu từ.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả

Cho đến nay, các công trình nghiên cứu phong cách học khá thống nhất trong việc xác định số lượng các phong cách chức năng cũng như đặc trưng riêng của chúng. Đó là *phong cách sinh hoạt, phong cách hành chính - công vụ, phong cách báo - công luận, phong cách khoa học, phong cách chính luận, phong cách nghệ thuật*.

Các phong cách chức năng được phân biệt như trên đầu sao vẫn chỉ dừng ở tính loại, chủng. Nói rõ hơn, đó là kiểu loại sản phẩm ngôn ngữ. Sự phân biệt ấy tuyệt nhiên chưa chạm tới yếu tố cá nhân chủ ngôn (người tạo lập văn bản). Do đó, phong cách học cần tiến thêm một bước nữa: xác định phong cách ngôn ngữ của cá nhân.

Ở bình diện lý thuyết, những công trình tập trung nghiên cứu ngôn ngữ tác giả chưa có tính hệ thống. Vấn đề này chủ yếu được các nhà nghiên cứu lồng ghép trong những công trình đề cập đến phong cách học nói chung, phong cách ngôn ngữ văn chương nói riêng, cả ở những công trình khảo sát phong cách của một tác giả cụ thể.

Phong cách ngôn ngữ là sản phẩm của sự lựa chọn mang tính sáng tạo cá nhân trong một tập hợp các mô hình ngôn ngữ có thể lựa chọn của một tác giả cụ thể nhằm thu hút người đọc. Đó là sự tổng hòa mọi thủ pháp sử dụng, lựa chọn và kết hợp các phương tiện thông báo bằng lời, có ý thức về mặt xã hội, có định hướng về mặt chức năng, tương ứng với những phương thức biểu đạt khác nhau, phục vụ cho những mục đích khác nhau.

Có thể nói, cho tới nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam chưa có nhiều công trình nghiên cứu phong cách ngôn ngữ nói chung và phong cách ngôn ngữ tác giả nói riêng. Quan điểm của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và các nhà Việt ngữ học về phong cách ngôn ngữ tác giả còn chưa có sự nhất trí, do vậy, hiện nay, vẫn chưa có sự thống nhất về khái niệm phong cách ngôn ngữ tác giả.

Trong chương này, chúng tôi triển khai hai nội dung gồm tổng quan tình hình nghiên cứu và xác lập cơ sở lý thuyết của đề tài. Tiến hành việc tổng thuật, luận án trình bày khái quát những nghiên cứu về ngôn ngữ tác giả trên thế giới và ở Việt Nam;

về thơ và ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử. Xác lập cơ sở khoa học, luận án trình bày một số khái niệm cơ bản và xác định những yếu tố chi phối sự hình thành phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử. Các công trình, bài viết chủ yếu là các sách chuyên khảo, luận văn thạc sĩ hay bài báo, nhưng những vấn đề mà các tác giả là những gợi ý cho chúng tôi đi vào tìm hiểu, phân tích các đặc điểm hình thành phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử.

1.1.1.1. Tình hình nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả trên thế giới

Sự phát triển của các trào lưu ngôn ngữ học ở cuối thế kỉ XIX, đặc biệt là trong thế kỷ XX mà hệ quả của nó là sự tách rời Văn học và Ngôn ngữ học. Khái niệm phong cách ngôn ngữ đã ra đời gắn với quan điểm của các trường phái ngôn ngữ: trường phái F. de Saussure, trường phái ngôn ngữ học Đức, nhóm ngôn ngữ học Praha mà đại diện tiêu biểu là R. Jakobson, các nhà Xã hội ngôn ngữ học Xô viết... Tất cả đều hướng đến điểm chung nhất của *phong cách ngôn ngữ* đó là: “1) Thuộc tính của hoạt động ngôn ngữ; 2) Lặp đi lặp lại trong biểu đạt ở một cá nhân, tập thể, hay cộng đồng; 3) Có khả năng khu biệt với cá nhân khác, tập thể, hay cộng đồng khác” (Dẫn theo Nguyễn Thái Hòa [82, tr. 177]).

Một trong những nhà khoa học tiên phong trong nghiên cứu phong cách học là Ch. Bali - học trò xuất sắc của F.de Saussure. Có điều, Ch. Bali không xem lời nói (trong đó có cả ngôn ngữ của tác phẩm văn học) là sự kiện phong cách học. Theo ông, cá nhân có vai trò đặc biệt trong việc tạo nên phong cách và không để ý đến mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội, giữa những nét riêng, độc đáo của chủ ngôn với phong cách ngôn ngữ chung. Ông chỉ chú tâm nghiên cứu phong cách trong phạm vi các phương tiện ngôn ngữ biểu cảm mà thôi. Cuốn *Tu từ học tiếng Pháp* cho thấy hướng đi riêng của Ch. Bali trong nghiên cứu phong cách học [4].

Khác với quan điểm của Bali, Leo Spitzer (một nhà ngôn ngữ học người Áo) lại muốn khái quát phong cách cá nhân từ chính các dữ kiện của tác phẩm như: tư tưởng, tình tiết, kết cấu, đặc biệt là ngôn ngữ. Phong cách, ấy là sự đi chệch ngôn ngữ. Tư tưởng đó về phong cách cá nhân được Leo Spitzer thể hiện qua khảo sát sáng tác của một số tác giả tiêu biểu trong văn học châu Âu như Cervantès, Phèdre, Diderot, Claudel... (Dẫn theo Nguyễn Thái Hòa [81, tr. 38 - 40]).

Trong bài viết *Máy vấn đề về việc nghiên cứu phong cách ngôn ngữ cá nhân (tổng thuật)*, tác giả Nguyễn Huy Cận đã giới thiệu các quan niệm khác nhau trong nghiên cứu về phong cách ngôn ngữ của một số nhà khoa học trên thế giới. Từ góc độ

ngôn ngữ học, nghiên cứu phong cách ngôn ngữ cá nhân trước hết là nghiên cứu tính độc đáo trong sự lựa chọn các phương tiện diễn đạt và tính hệ thống của các phương tiện ngôn ngữ được tác giả sử dụng. Nguyễn Huy Cận cũng xác định: người đầu tiên đưa ra khái niệm này là Ch. Bally. Ch. Bally xem phong cách này là sự thể hiện của cá nhân. Các tác giả khác như R.A. Budagov, V.V. Vinogradov, D. E. Rozental,... đều cho rằng phong cách ngôn ngữ cá nhân là đặc trưng của việc sử dụng ngôn ngữ, các thủ pháp ngôn ngữ của cá nhân có quan hệ đến ngôn ngữ chung. Marouzeanu nhấn mạnh: “Định nghĩa phong cách có nghĩa là thừa nhận thái độ của người nói hay người viết đối với các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng” [12, tr. 45]. Nghiên cứu ngôn ngữ của nhà văn tất yếu liên quan đến việc nghiên cứu chủ đề tư tưởng, thể loại tác phẩm và ngày càng tách xa khuynh hướng hiện đại trong việc nghiên cứu phong cách. Trong bài tổng thuật, Nguyễn Huy Cận dẫn thêm một số ý kiến của các nhà khoa học, trong đó, đáng chú ý có quan điểm của P. I. Dameran. Theo tác giả này, để có thể miêu tả khách quan phong cách ngôn ngữ tác giả, nhất thiết phải sử dụng phương pháp thống kê. Xuất phát từ luận điểm coi phong cách ngôn ngữ cá nhân phải độc lập với nội dung tác phẩm, nên theo ông, từ nào phụ thuộc vào nội dung sẽ không được tính đến khi thống kê. Với cách làm đó, ta sẽ tìm ra một ý nghĩa lớn qua việc xét đặc điểm của cách dùng những từ mà chính tác giả có thể “không ngờ” đến, tức là những đặc điểm rất cá biệt trong việc “mã hóa từ vựng” các ý [12, tr. 46].

Những năm cuối của thế kỷ XX, phong cách ngôn ngữ cá nhân còn được nghiên cứu dưới góc độ kí hiệu học. Người ta xem văn bản (tác phẩm) là một hệ thống kí hiệu không tính đến mối quan hệ giữa người viết, người nói và người đọc, người nghe. Một trong những người chủ trương hướng nghiên cứu này là E. Dragos. Tác giả này cho rằng, vì tính chất kí hiệu của nó, kí hiệu thơ ca có hai hiện tượng đồng vị: *đồng vị của cái biểu đạt* và *đồng vị của cái được biểu đạt* (hoặc nội dung). Đáng lưu ý là cấp độ đồng vị của cái được biểu đạt, vì đây chính là yếu tố quan trọng nhất để làm cho hiện tượng đa nghĩa của văn bản văn học có hiệu lực. Hiện tượng đồng vị chỉ xuất có ảnh hưởng quyết định đến phong cách cá nhân [12, tr. 46].

Gần đây, do ảnh hưởng của chủ nghĩa cấu trúc, dựa trên cơ sở cho rằng thế giới ngôn ngữ trong tác phẩm là có “giá trị tự thân”, cho nên, có nhà nghiên cứu đã xem xét phong cách ngôn ngữ cá nhân quy về cách kết hợp, mang tới tổ chức và mối quan hệ

của các từ trong mỗi văn bản hoặc trong hàng loạt văn bản của một tác giả nào đó. Có thể kể đến các tác giả đi theo hướng này là: R. Levin, S. Macus, P. Miclau, F. Guirand,...

Như vậy, có thể hiểu, phong cách ngôn ngữ cá nhân là một hệ thống (hay một tập hợp) các phương tiện ngôn ngữ mà tác giả thường sử dụng hay lặp lại trong tác phẩm, kể cả bài nói chuyện được ghi âm hay in lại. Hệ thống các phương tiện ngôn ngữ đó có những “bản sắc riêng” để phân biệt phong cách của tác giả này với tác giả khác. Và dù nghiên cứu phong cách ngôn ngữ cá nhân dưới góc độ nào, các nhà nghiên cứu đều cố gắng đi tìm cái “bản sắc riêng” trong sản phẩm ngôn ngữ của người viết.

Về phong cách ngôn ngữ tác giả cụ thể, trên thế giới, đến nay đã có những công trình nghiên cứu ngôn ngữ tác giả và sản phẩm là sự ra đời của các loại từ điển tác giả: *Từ điển Shakespeare, Từ điển Victor Hugo, Từ điển Puskin...*

1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả ở Việt Nam

Ở Việt Nam, phải đến những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI mới có một số công trình nghiên cứu về phong cách tác giả. *Từ điển Truyện Kiều* do Đào Duy Anh biên soạn cũng là một dạng từ điển về vốn từ trong tác phẩm của một tác giả. Qua thực tế nghiên cứu, các nhà khoa học đã nhận diện phong cách ngôn ngữ Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyễn Tuân,... nhưng những “*Từ điển Nguyễn Du*”, “*Từ điển Hồ Xuân Hương*”, “*Từ điển Nguyễn Tuân*”... vẫn còn là những dự án của tương lai.

Những công trình đã công bố, không thể không kể đến *Nhà văn tư tưởng và phong cách* (Nguyễn Đăng Mạnh [132]), *Nhà văn Việt Nam hiện đại chân dung và phong cách* (Nguyễn Đăng Mạnh [135]); *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (Phan Ngọc [145]); *Chế Lan Viên với phong cách suy tưởng* (Nguyễn Bá Thành [188]); *Văn chương tài năng và phong cách* (Hà Minh Đức [56]); *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu* (Tôn Phương Lan [111]); *Phong cách thời đại nhìn từ một thể loại văn học* (Nguyễn Khắc Sính [172]); *Phong cách văn xuôi nghệ thuật Thạch Lam* (Nguyễn Thành Thi [197]); *Phong cách nghệ thuật Tô Hoài* (Mai Thị Nhung [153]); *Đặc trưng nghệ thuật thơ Chế Lan Viên* (Nguyễn Lâm Điền [49]); *Nghệ thuật thơ Chế Lan Viên* (Đoàn Trọng Huy [90]),... Do định hướng nghiên cứu mà các tác giả đi trước mới chỉ dừng lại ở việc phác thảo về chân dung, phong cách thông qua các yếu tố nội dung - tư tưởng và hình thức (cấu trúc ngôn ngữ, hình tượng, tính cá thể hóa, cụ thể hóa) mà chưa thực sự đi sâu cắt nghĩa phong cách ngôn ngữ tác giả.

Xét riêng về lĩnh vực thơ, có thể thấy, có nhiều công trình nghiên cứu và bài viết khám phá các phương diện như: vần thơ, nhịp thơ, nhạc điệu, từ ngữ, phương thức biểu đạt, cấu trúc ngôn ngữ,... Tuy nhiên, những phân tích, lí giải chủ yếu tập trung vào khẳng định sức sáng tạo, nét độc đáo của từng thi phẩm, mà vẫn còn thiếu những nhận định sâu về phong cách cá nhân. Thỉnh thoảng, nếu có thì việc nghiên cứu phong cách ngôn ngữ cá nhân thường mới chỉ dừng lại ở sự phân tích ngôn ngữ (hoặc văn bản) trong một số tác phẩm hoặc một số kiểu loại tác phẩm, chứ chưa có một sự phân tích toàn bộ nguồn ngữ liệu trong suốt cả cuộc đời sáng tác của tác giả. Có lẽ, do sự lựa chọn hướng khảo sát hoặc do chưa có sự tập trung đúng mức, cho nên, giới nghiên cứu mới chỉ phát hiện ra những yếu tố riêng lẻ hơn là đưa ra những nhận định có tính khái quát (chẳng hạn về các thủ pháp tu từ, thủ pháp cấu tạo văn bản... của mỗi tác giả).

Trong các tác giả có công trình đã nêu trên, chúng tôi nhận thấy Phan Ngọc là người có ý thức rất sâu trong việc xây dựng khái niệm phong cách, những yếu tố chi phối phong cách tác giả cũng như biểu hiện phong cách tác giả ở các phương diện của tác phẩm. Trong cuốn *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du qua Truyện Kiều*, Phan Ngọc ưu tiên trước hết cho việc đánh giá tư tưởng của tác giả, vì theo nhà nghiên cứu, mọi sự lựa chọn về mặt hình thức biểu đạt (và dĩ nhiên kéo theo đó là sự hình thành một phong cách) phải xuất phát từ một tư tưởng độc sáng. Theo Phan Ngọc, trước hết phải tìm được cái đặc trưng không thể thiếu của một hiện tượng mang tên phong cách. “Đặc trưng ấy là *tính thống nhất hữu cơ của các bộ phận trong một chỉnh thể*, hay nói khác đi, *tính cấu trúc* của nó [145, tr.31]. Nhất quán với quan điểm đó, tiến thêm một bước, Phan Ngọc cho rằng, phong cách không phải là hiện tượng dĩ thành bất biến. Nó chịu tác động bởi nhiều yếu tố, và có sự biến đổi theo thời gian. Từ những nét mới mẻ trong quan điểm về phong cách như thế, Phan Ngọc đã tìm hiểu, phân tích đánh giá một cách khá thấu đáo phong cách của Nguyễn Tuân biểu hiện ở những giai đoạn sáng tác khác nhau. Những khái quát của Phan Ngọc về phong cách Nguyễn Tuân thực sự là những đóng góp quan trọng cho việc nghiên cứu một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam hiện đại. [146, tr. 217 - 245].

Thực tế cho thấy, nghiên cứu phong cách học một cách bài bản, phải kể đến công trình của các nhà ngôn ngữ học. *Giáo trình phong cách học tiếng Việt* của Đinh Trọng Lạc (chủ biên) và Nguyễn Thái Hòa là một trong những cuốn sách đề cập một cách khá toàn diện những nội dung của phong cách học. Khi giới thiệu về các loại phong cách học,

các tác giả đã dẫn ý kiến của U.D. Bondaletop; trong đó, nhà khoa học Nga lưu ý đến vấn đề phong cách cá nhân [109, tr. 66]. Tán thành quan điểm đó, trong chương bàn về ngôn ngữ nghệ thuật (do Đinh Trọng Lạc viết), tác giả đã xem cá thể hóa như một thuộc tính bản chất của ngôn ngữ văn chương. Những kiến giải được minh họa bằng các dẫn chứng cụ thể đã toát lên ý tưởng về phong cách ngôn ngữ cá nhân trong tác phẩm văn học, mặc dù khái niệm này chưa được giới thuyết ở giáo trình [109, tr. 154 - 160].

Trong cuốn *Dẫn luận phong cách học* (1997), Nguyễn Thái Hòa đã dành một chương (chương III) để nói về vấn đề phong cách cá nhân. Không đồng tình với Ch. Bali, Nguyễn Thái Hòa ủng hộ quan điểm xem việc sử dụng ngôn ngữ của cá nhân (trong đó có văn bản nghệ thuật) là sự kiện phong cách học. Theo đó, phong cách cá nhân được xem xét từ hai phía: 1) Nghiên cứu ngôn ngữ gồm những yếu tố do thói quen sử dụng được cá nhân thích dùng; 2) Nghiên cứu lời nói cá nhân trong những văn cảnh và những hoàn cảnh nhất định [81, tr. 35]. Tác giả cũng đã giới thiệu tư tưởng phong cách học của Leo Spitzer (nhà ngôn ngữ học người Áo) - người đã dày công xây dựng những nguyên tắc phê bình phong cách học, trong đó, có nguyên tắc: nghiên cứu phong cách học cá nhân phải xuất phát từ ngôn ngữ mà anh ta sử dụng trong tác phẩm. Dù đó chưa phải là luận điểm cốt lõi trong nghiên cứu phong cách ngôn ngữ cá nhân, nhưng tính định hướng của nó là rất rõ ràng.

Cuốn *Từ điển Tu từ - Phong cách - Thi pháp học* của Nguyễn Thái Hòa (2005) có mục từ: *Phong cách học lời nói*. Hướng nghiên cứu này lấy lời nói làm đối tượng nghiên cứu, trong đó có văn bản nói chung, văn bản nghệ thuật nói riêng [82, tr. 184]. Quan điểm này là hoàn toàn có cơ sở, bởi vì, bản thân ngôn ngữ trong tác phẩm văn học là một dạng thức lời nói, do nhà văn, nhà thơ tạo ra. Xét về phong cách học nói chung, sản phẩm ấy mang đầy đủ thuộc tính của ngôn ngữ nghệ thuật, và một khi nó in đậm dấu ấn của người sáng tạo, tất yếu nó biểu hiện phong cách tác giả.

Công trình *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học* của Đỗ Việt Hùng và Nguyễn Thị Ngân Hoa (2003) cũng thuộc số công trình nghiên cứu phong cách chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, nhưng không đặt yêu cầu xem xét phong cách cá nhân. Những luận điểm được tập trung luận giải chủ yếu nhằm làm rõ đặc trưng của ngôn ngữ văn chương trong tương quan với các phong cách ngôn ngữ khác. Tuy vậy, cuốn sách cũng gợi ra một số ý mà người nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả cần quan tâm: “Khác với lời nói tự nhiên, trong ngôn ngữ nghệ thuật, mọi